

KHẲNG ĐỊNH VÀ BẢO VỆ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Đào Thị Minh Thảo^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: daominhthao71@gmail.com

Tóm tắt: Sau nhiều thập kỷ, những âm mưu và thủ đoạn của các lực lượng thù địch chống phá cách mạng Việt Nam đã không thu được kết quả như chúng mong đợi. Với mục tiêu nhất quán là phá hoại thành quả cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, các lực lượng thù địch đã thay đổi phương thức hoạt động, tấn công mạnh mẽ vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết góp phần nhận diện những lập luận sai trái, xuyên tạc nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và chỉ ra những căn cứ lý luận và thực tiễn để bác bỏ những luận điệu ấy.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Ngày nhận bài: 10/04/2025; ngày phản biện: 11/04/2025; ngày sửa chữa: 15/05/2025; ngày duyệt đăng: 23/06/2025.

1. Mở đầu

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để khẳng định và bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một nội dung thường trực, xuyên suốt trong lịch sử thành lập, phát triển và cầm quyền của Đảng. Giai đoạn hiện nay, khi Đảng ta đang lãnh đạo công cuộc đổi mới với những thay đổi đột phá để tạo thế và lực đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước đã và đang gia tăng các hoạt động tuyên truyền phá hoại nền tảng tư tưởng, uy tín của Đảng, phủ nhận vai trò lãnh

đạo của Đảng. Trong tình hình đó, việc nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận diện đúng những âm mưu, thủ đoạn, luận điệu thù địch và tiếp tục làm sáng tỏ vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, góp phần bảo vệ vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn là một nhiệm vụ lịch sử quan trọng.

2. Những lập luận xuyên tạc, muốn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong giai đoạn đầu thời kỳ đổi mới, đã xuất hiện hàng loạt những ấn phẩm của các nhóm và tổ chức phản động người Việt lưu vong, như Diễn

đàn, Thông luận, cùng “12 điều kiến nghị của một công dân” của Bùi Tín, được lan truyền qua đài BBC, RFI, với nội dung đòi “cải tổ Đảng”, “xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng”. Các thế lực này lợi dụng các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong quần chúng nhân dân, như góp ý vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 hay Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 2013, để đòi xóa bỏ Điều 4 của Hiến pháp, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước và dân tộc. Trong đó, nổi bật có nhóm nhân sĩ, trí thức (Nhóm kiến nghị 72) đã đưa ra kiến nghị đòi xóa bỏ Điều 4 của Hiến pháp, phân chia vai trò lãnh đạo bằng cách thực hiện đa nguyên, đa đảng và đòi phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Họ lợi dụng các phương tiện thông tin và truyền thông, qua các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook, Instagram, Viber, WhatsApp, Youtube, Tiktok... kêu gọi “đấu tranh cho dân chủ”, cho rằng “Đảng là sự cản trở của nền dân chủ”,...

Những lực lượng thù địch cho rằng “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập sẽ tạo nên sự đa dạng, phong phú trong ý thức hệ tư tưởng và là nhân tố bảo đảm cho một nền “dân chủ thực sự” (Dẫn theo: Hội đồng Lý luận Trung ương 2014: 254). Họ lập luận rằng, nếu chỉ một đảng sẽ dẫn đến độc đoán, chuyên quyền, vi phạm dân chủ; đồng thời, lợi dụng tính phức tạp của quá trình đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đánh tráo khái niệm, thổi

phồng những thiếu sót, khuyết điểm, tiêu cực, bỏ qua những thành tựu to lớn mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đạt được trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Họ quy kết nguyên nhân của mọi khó khăn, hạn chế, kể cả những hậu quả của sự phá hoại của các lực lượng thù địch là do sự yếu kém của Đảng Cộng sản; xuyên tạc rằng chính Đảng Cộng sản là nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém, chậm phát triển của đất nước và coi chế độ một đảng là mất dân chủ, thủ tiêu sáng tạo, hạn chế tiềm năng của đất nước,... Theo họ, ở Việt Nam không có “pháp trị”, chỉ có “đảng trị”. Từ đó, họ cổ súy, tung hô các nền dân chủ khác và cho rằng, chỉ có “đa đảng” mới thực sự dân chủ và có sự phát triển. Có thể nói, những cách nhìn phiến diện, lập luận chủ quan trên đây xuất hiện “như nấm độc sau mưa” trên nhiều trang mạng xã hội, với những tài khoản ẩn danh và ngôn ngữ chứa đựng đầy sự hằn học, thù địch.

Một xu hướng tư tưởng thù địch khác, nguy hiểm hơn, đó là nhân danh mácxít, dùng chính những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin để phê phán đường lối kinh tế, chính trị của Đảng ta. Tiêu biểu là lập luận theo kiểu “kinh tế quyết định chính trị, kinh tế như thế nào thì chính trị như thế đó”, từ đó họ cho rằng, Việt Nam phát triển kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế có sự đối lập nhau, vậy phải “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” mới phù hợp, mới đúng với nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

Mặt khác, họ lập luận theo kiểu đã thừa nhận kinh tế thị trường thì chắc chắn sẽ đi lên chủ nghĩa tư bản, chứ không có cái gọi là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó, họ “lập lòe đánh lận con đen”, cho rằng thực chất Việt Nam đang đi theo chủ nghĩa tư bản, chỉ có cái danh xưng là chủ nghĩa xã hội để che giấu sự độc quyền chính trị của Đảng Cộng sản mà thôi.

Các thế lực thù địch luôn ca ngợi các nền dân chủ phương Tây của Mỹ, Anh, Đức, Pháp. Họ đồng nhất khái niệm “tự do” với “dân chủ”, coi xã hội phương Tây cổ súy tự do, cho phép tự do cá nhân, đề cao tự do cá nhân mới thực sự dân chủ. Họ cho rằng, việc Việt Nam thực hiện cơ chế “tập trung dân chủ”, thực chất là tập trung quyền lực, thao túng quyền lực, thủ tiêu dân chủ; rằng “chừng nào ở Việt Nam chỉ có độc nhất một đảng lãnh đạo thì chừng đó không thể nói tới một nền dân chủ chân chính được” (Dẫn theo: Hội đồng Lý luận Trung ương 2014: 265). Với chiêu bài “dân chủ”, họ tiếp tục mưu toan thúc đẩy nhận thức cần phải “đa nguyên chính trị” trong đời sống xã hội Việt Nam.

Song, những bài học từ tình hình nhiều quốc gia trên thế giới và từ chính thực tiễn lịch sử Việt Nam đã có rất nhiều minh chứng cho thấy: *thứ nhất*, những luận điệu với ý định xấu nêu trên là hoàn toàn vô căn cứ và bị chính thực tiễn phản chứng; *thứ hai*, thực tiễn ấy càng cho thấy vai trò lãnh đạo của

Đảng Cộng sản - chính đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam - đối với cách mạng Việt Nam là không thể phủ nhận, không thể thay thế được.

3. Bác bỏ các luận điểm sai trái, xuyên tạc về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ nhất, về lập luận sai lầm, cho rằng “một đảng là độc đoán, đa đảng mới dân chủ”.

Một trong những mục tiêu cơ bản nhất, trọng tâm nhất của các thế lực phản động, thù địch là phủ nhận và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Theo họ, “*một đảng là độc đoán, đa đảng mới dân chủ*”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đa nguyên, đa đảng không đồng nhất với dân chủ và một đảng không đồng nhất với độc tài. Dân chủ hay không dân chủ không phụ thuộc vào số lượng các đảng chính trị, mà là quyền lực chính trị có thực sự nằm trong tay đại đa số nhân dân hay không.

Trên thực tế, ở các nước tư bản phát triển đều thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nhưng quyền lực thực sự lại không thuộc về quần chúng nhân dân. Đa nguyên chính trị hay đa đảng đối lập ở các quốc gia đó, về bản chất, vẫn là nhất nguyên, trong đó chủ thể nắm quyền lực là giới chủ - lực lượng nắm trong tay sức mạnh vật chất là các tư liệu sản xuất cơ bản và hầu hết của cải của xã hội. Nước Mỹ có khoảng hơn 100 đảng, luôn tuyên truyền đa nguyên đa đảng, nhưng chỉ có hai đảng là Đảng

Cộng hòa và Đảng Dân chủ thay nhau cầm quyền. Về bản chất, đây là hai đảng đứng trên lập trường giai cấp tư sản, với mục tiêu căn bản giống nhau là củng cố và phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa ở Mỹ. “Nước Mỹ tự xưng là đa đảng nhưng thực chất chỉ là một đảng, đó là đảng của chủ nghĩa tư bản, dù là đảng Cộng hòa hay Dân chủ, là hai nhưng thực chất lại chỉ là một đảng...” (Đinh Công Tuấn 2009: 89). Đảng Cộng sản Mỹ trên thực tế chưa hề tham chính, chưa chia sẻ quyền lãnh đạo đất nước, do đó, thực chất, nước Mỹ vẫn là chế độ nhất nguyên chính trị. Những cuộc tranh giành quyền lực giữa các phe phái chính trị ở Ba Lan, Cộng hòa Liên bang Đức, hay ở Pakistan, Myanmar, Thái Lan,... kéo dài cả thập kỷ, dẫn đến sự thiệt mạng của hàng triệu người và đẩy hàng chục triệu người khác vào tình trạng nghèo đói. Đó không phải là dân chủ nhờ có đa nguyên, đa đảng, mà là sự tranh giành, phân chia quyền bính giữa các lực lượng chính trị, nhằm giữ chính quyền và giành quyền kiểm soát xã hội.

Trong đời sống chính trị của Việt Nam, ngay từ năm 1945, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, vẫn có sự tham chính của các đảng phái khác như Việt Nam Quốc dân Đảng, Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng Xã hội Việt Nam... Nhiều lãnh đạo cốt cán của các đảng chính trị này đã có mặt trong Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, một số đảng đã không

đi đến cùng mục tiêu của dân tộc, không thể “đồng cam cộng khổ” cùng Việt Minh kháng Pháp, cùng đấu tranh cho hòa bình, độc lập và thống nhất Tổ quốc. Duy có Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng Xã hội Việt Nam đã sát cánh với Đảng Cộng sản Việt Nam, gia nhập Mặt trận Việt Minh cùng với các đoàn thể cứu quốc, tham gia chính phủ, tham gia tích cực vào hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến năm 1988, hai đảng này tuyên bố tự giải thể sau khi đã hoàn thành sứ mệnh của mình (Xem: Vũ Trọng Lâm 2020: 42). Từ đây, trên chính trường Việt Nam chỉ còn duy nhất một đảng đóng vai trò lãnh đạo, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, việc một quốc gia dân tộc tồn tại thể chế đa nguyên hay nhất nguyên, đa đảng hay một đảng không phải do ý chí tùy tiện, chủ quan của bất kỳ ai, mà nó phản ánh tương quan lực lượng chính trị giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, gắn với thực tiễn của quốc gia, dân tộc đó. Một lực lượng chính trị kiên trì mục tiêu, lý tưởng của mình, gắn bó mục tiêu, lý tưởng đó với sinh mệnh và lợi ích của giai cấp, của dân tộc, bằng mọi cách nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng đó trong cương lĩnh và trong từng chính sách, lực lượng đó đủ năng lực và uy tín để dẫn dắt sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Trên thực tế, trong bối cảnh chính trị của Việt Nam thế kỷ XX, không phải chỉ duy nhất giai

cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm tới vận mệnh của dân tộc, nhưng rõ ràng chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới quyết tâm theo đuổi đến cùng khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc, kiên cường chiến đấu hy sinh, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ nền độc lập ấy và đang cùng dân tộc phấn đấu vì sự phồn vinh, thịnh vượng của đất nước và hạnh phúc của nhân dân.

Việc một chính đảng giành được chính quyền cách mạng và định hướng sự phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại quyền làm chủ cho quảng đại quần chúng nhân dân không có nghĩa là lập tức sẽ có ngay chủ nghĩa xã hội, có ngay nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, đối với một quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội từ xuất phát điểm thấp, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại luôn bị các lực lượng thù địch chống phá như Việt Nam không thể đòi hỏi ngay lập tức một nền dân chủ hoàn thiện. Việc tồn tại những thiếu sót, bất hợp lý, bất bình đẳng, hoặc sự vi phạm dân chủ ở đâu đó... là khó tránh khỏi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

C.Mác đã chỉ rõ: “quyền không bao giờ có thể ở một mức độ cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 19: 35-36). Trình độ dân chủ của một xã hội phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: trình độ kinh tế, thể chế chính trị, trình độ dân

trí, sự trưởng thành về nhận thức lẫn năng lực thực hành dân chủ của quần chúng, khả năng đặt ra mục tiêu dân chủ và đấu tranh để đạt được mục tiêu đó, truyền thống văn hóa dân chủ của quốc gia, dân tộc... Tất cả những điều đó đều không xuất hiện ngay một lúc, cũng không tự nhiên có được; trái lại, nó là kết quả của cả một tiến trình lịch sử đấu tranh, xây dựng lâu dài và khó khăn. Phải trải qua hàng trăm năm đấu tranh, nhân dân các quốc gia tư bản chủ nghĩa mới có thể tích lũy được vốn văn hóa dân chủ như ngày nay, và ngay cả điều đó vẫn là chưa đủ để có một nền dân chủ thực sự. Vì vậy, không thể hô hào “dân chủ” khi những điều kiện hiện thực cho nó xuất hiện còn đang trong quá trình xây dựng, và cũng không thể “xuất khẩu”, “nhập khẩu”, hay “biểu tặng” dân chủ được. Bất kỳ sự lựa chọn tùy tiện nào trong lĩnh vực này cũng dẫn tới hậu quả nghiêm trọng. Sự sao chép mô hình đa đảng của phương Tây ở một số nước Mỹ Latinh đã khiến các quốc gia đó rơi vào vòng xoáy của sự tranh giành quyền lực, phe phái, dẫn đến sự trì trệ, khủng hoảng kéo dài. Tình trạng hỗn loạn, bất ổn ở hàng loạt các nước đã từng xảy ra các cuộc “cách mạng màu”, dưới các ngọn cờ “đấu tranh cho dân chủ” như Philippines (năm 1983), Tiệp Khắc (năm 1989), Nam Tư (năm 2000), Gruzia (năm 2003), Ukraina (2004), Kyrgyzstan (năm 2005), Li-băng (năm 2005), Iran (năm 2009), Tunisia (năm 2010), Ai Cập (năm 2011), Maidan

(2014), Hồng Kông (năm 2014), và ở khu vực Trung Đông - Bắc Phi: Libya, Syria, Algeria, Yemen, Maroc, Jordan, Ả Rập Xê-út, Oman, Iraq, và gần đây, những diễn biến chính trị phức tạp tại Thái Lan, Myanmar, Venezuela... là những ví dụ thực tế sâu sắc. Khởi phát của các trào lưu ấy là viễn cảnh về những điều tốt đẹp cho người dân, nhưng kết quả lại là sự bất ổn, bạo động, nhiều nơi mất kiểm soát dẫn đến bạo loạn, cướp phá, chiến tranh. Vậy, những quốc gia đó đã thật sự có một nền dân chủ theo đúng nghĩa của nó chưa? Chắc chắn là chưa.

Như vậy, một quốc gia có dân chủ hay không có dân chủ không phụ thuộc vào chỗ chỉ một đảng hay nhiều đảng tham chính, mà phụ thuộc vào bản chất của chính đảng giữ vai trò lãnh đạo, phụ thuộc vào việc chính đảng đó có thực sự vì dân mà xây dựng thể chế chính trị đảm bảo mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về quảng đại quần chúng nhân dân hay không. Bản chất của dân chủ là quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể thực sự của quyền lực; dân chủ là “dân là chủ và dân làm chủ”. Vấn đề cốt lõi nhất của dân chủ là mức độ tham gia thật sự của quần chúng nhân dân vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, chứ không thể hiện ở số lượng đảng chính trị nhiều hay ít.

Thứ hai, về lập luận sai lầm cho rằng “nhiều thành phần kinh tế thì phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”.

Kiểu lập luận như trên biểu hiện một tư duy cứng nhắc, máy móc và thể hiện rõ sự hiểu biết “nửa vời” hoặc cố tình xuyên tạc quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đúng là cả C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đều khẳng định vai trò quyết định của đời sống vật chất đối với đời sống tinh thần, của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, của kinh tế đối với chính trị. Tuy nhiên, các ông cũng chỉ rõ vai trò và sự tác động trở lại mạnh mẽ của ý thức, tinh thần, chính trị đối với đời sống vật chất, đời sống kinh tế. Như vậy, hai lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội là kinh tế và chính trị có mối quan hệ biện chứng, chứ không phải sự quyết định máy móc, một chiều. Chính Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Theo quan niệm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử xét đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả tôi lẫn Mác chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế. Còn nếu có ai đó xuyên tạc luận điểm này theo ý nghĩa nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất, thì người đó biến lời khẳng định này thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1997, tập 37: 641). Kiểu lập luận một chiều hòng phủ định chủ nghĩa Mác như thế vẫn được các thế lực thù địch lặp lại, đến mức, giáo sư Terry Eagleton của Đại học Tổng hợp Lancaster (Vương quốc Anh) trong cuốn *Tại sao Mác đúng?* cũng phải lên tiếng về vấn đề này: “khẳng định rằng, với C.Mác, tất

cả mọi thứ đều do “kinh tế” quyết định sẽ là sự đơn giản hóa quá mức một cách ngớ ngẩn” (Terry Eagleton 2014: 156). Như vậy, không phải cứ kinh tế thế nào thì chính trị phải như thế đó. Chỉ nhìn thấy “kinh tế quyết định chính trị” trong tư tưởng của C.Mác, thì hoặc là hiểu chưa đầy đủ, hoặc là cố tình xuyên tạc tư tưởng đó để phục vụ cho những toan tính chính trị hòng thúc đẩy “đa nguyên chính trị”.

Theo quan điểm duy vật lịch sử, dù kinh tế giữ vai trò quyết định đối với chính trị, song trong những điều kiện và giới hạn nhất định, ý thức, tư tưởng, nhất là ý thức chính trị có thể tác động làm thay đổi cơ sở kinh tế. Tuy nhiên, ngay cả điều này, cũng không thể đơn giản mà hy vọng rằng, ý thức, tư tưởng tự bản thân nó có thể thay đổi đời sống kinh tế. Đó là một sự ảo tưởng, bởi ý thức tư tưởng, tự nó không thể thay đổi hiện thực, nếu không được thể hiện thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Chính trị có thể tác động mạnh mẽ trở lại đời sống kinh tế, thông qua năng lực hoạt động thực tiễn của chủ thể chính trị, để chuyển hóa tư tưởng, đường lối chính trị thành pháp luật, chính sách được thực thi trong cuộc sống. Nếu tư tưởng chính trị khoa học, đường lối kinh tế đúng đắn, phù hợp có thể định hướng cho sự phát triển đất nước và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn. Ngược lại, nó cũng có thể kìm hãm, cản trở sự phát triển kinh tế, thậm chí có thể đưa nền kinh tế đến chỗ

sụp đổ nếu đó là tư tưởng, đường lối, quyết sách kinh tế sai lầm. Như vậy, hoàn toàn không phải cứ cơ sở kinh tế thế nào thì đời sống chính trị như thế và cũng không phải “đa nguyên, đa đảng” mới phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần. Vấn đề là ở chỗ, trong một nền kinh tế nhiều thành phần, chủ thể chính trị có thể nắm bắt và phản ánh được các quy luật kinh tế khách quan của đời sống xã hội, từ đó đề xuất các đường lối, chính sách phù hợp để thúc đẩy nền kinh tế đó phát triển hay không.

Bước quá độ từ bất kỳ hình thái kinh tế - xã hội cũ nào lên một hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn đều đầy rẫy những khó khăn và phức tạp. Giai cấp cách mạng phải mất hàng trăm năm mới có thể xác lập vị trí thống trị của mình một cách chắc chắn. Sự chuyển biến từ chế độ phong kiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước phương Tây là một minh chứng. Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay vẫn tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau, với nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, ở các nước này, chế độ chiếm hữu tư bản tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất vẫn giữ vai trò thống trị và quyền lực chính trị đương nhiên nằm trong tay giai cấp tư sản. “Những hình thức của nhà nước tư sản thì hết sức khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một: chung quy lại thì tất cả những nhà nước ấy, vô luận thế nào, cũng tất nhiên phải là nền chuyên chính tư sản” (V.I.Lênin 2005, tập 33: 44). Như vậy, ở các quốc gia đó, hình

thức là đa nguyên chính trị, nhưng thực chất, vẫn là nhất nguyên.

Với một quốc gia quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo hình thức gián tiếp như Việt Nam, tính phức tạp, khó khăn còn nặng nề hơn rất nhiều. Trong bước quá độ đó, có sự tồn tại đan xen của cả những nhân tố của xã hội mới lẫn những tàn tích của xã hội cũ. Về mặt kinh tế, vẫn còn những thành phần, những bộ phận, những yếu tố của nền kinh tế trước đó, đó là thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân. Việt Nam thừa nhận sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, cùng hướng đến mục tiêu chung là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Vai trò của kinh tế tư nhân cũng được đề cao theo mức đóng góp của nó đối với nền kinh tế quốc dân. Do đó, việc lập luận rằng, cứ phát triển kinh tế nhiều thành phần thì phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập là một sự suy diễn làm méo mó lý luận duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác.

Thứ ba, về lập luận cho rằng “đã dân chủ thì không thể có tập trung, tập trung là chuyên quyền”.

Một đảng chính trị, dù là chính đảng mácxít hay phi mácxít, sẽ không thể đạt đến tầm cao trí tuệ xuất sắc nếu không mở rộng dân chủ để khơi nguồn sáng tạo. Nhưng, đảng cũng không thể hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình nếu

không có được sự tập trung quyền lực cần thiết. Việc đảm bảo những quyền tự do cơ bản cho nhân dân, cũng nhằm duy trì trật tự xã hội, là điều hoàn toàn cần thiết để lực lượng cầm quyền thực hiện các mục tiêu của mình. Và tất nhiên, ở đó, không có tự do tuyệt đối. Trong xã hội có giai cấp và nhà nước, tự do luôn phải đặt trong khuôn khổ của pháp luật, dân chủ phải đi liền với kỷ luật và kỷ cương.

Đảng Cộng sản muốn thực hiện vai trò lãnh đạo giai cấp, lãnh đạo xã hội phải là một tổ chức chặt chẽ và thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thống nhất về ý chí và hành động, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển Đảng. V.I.Lênin từng chỉ rõ, “chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ” (V.I.Lênin 2006, tập 36: 185). Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “tập thể lãnh đạo là *dân chủ*, cá nhân phụ trách là *tập trung*. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là dân chủ tập trung” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 620). Đây là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất của quá trình lãnh đạo của Đảng, bởi dân chủ mà không tập trung sẽ dẫn đến vô chính phủ, tập trung mà không dân chủ sẽ dẫn đến độc đoán, chuyên quyền. Dân chủ đối lập với độc đoán, chuyên quyền chứ không đối lập với tập trung, và tập trung đối lập với tùy tiện, vô kỷ luật, vô tổ chức chứ

không đối lập với dân chủ.

Một Đảng cách mạng chân chính nhất định phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Phải phát huy dân chủ để đảm bảo mọi thành viên trong tổ chức được bày tỏ ý kiến, phát huy trí tuệ, tranh luận phản biện đi đến thống nhất quan điểm và chủ trương, phương hướng. Phải tập trung lãnh đạo để đảm bảo tất cả đảng viên đều phải tuân thủ kỷ luật, nói và làm theo nghị quyết. Tập trung trên nền dân chủ khác với tập trung quan liêu, dân chủ phải có sự tập trung để đảm bảo vừa phát huy sức mạnh tập thể, vừa tạo sự thống nhất của tổ chức, do đó cũng khác về chất so với dân chủ hình thức, dân chủ vô chính phủ. Có thể khẳng định, tập trung dân chủ là *nguyên tắc căn bản*, đảm bảo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động của Đảng và qua đó đảm bảo sức mạnh của một tổ chức lãnh đạo, để “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người” (Hồ Chí Minh 2011, tập 6: 17). Việc tuân thủ nguyên tắc này là một điều kiện cơ bản tạo nên sự thống nhất, đoàn kết, sức mạnh của Đảng. Việc vi phạm hay từ bỏ nguyên tắc này sẽ đẩy Đảng Cộng sản đến chỗ suy yếu và tan rã như Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản ở các nước Đông Âu cuối thế kỷ trước. Điều đó cho thấy vì sao các lực lượng thù địch luôn công kích, xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc lập luận theo kiểu tách rời, đối lập dân chủ với tập trung, một mặt, là biểu hiện của tư duy

siêu hình, xuyên tạc bản chất của một nguyên tắc căn bản trong tổ chức hoạt động của Đảng; mặt khác, là toan tính thúc đẩy việc từ bỏ nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, tiến đến làm suy yếu và phá hoại vị trí lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam.

4. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công của cách mạng Việt Nam

Trước năm 1930, Việt Nam đối mặt với sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, về tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến, tư sản và tiểu tư sản, khởi nghĩa nông dân... không ngừng nổ ra, nhưng cuối cùng đều bế tắc và thất bại. Các tổ chức như *Việt Nam Quang phục hội* do nhà chí sĩ Phan Bội Châu khởi xướng; tổ chức *Tâm tâm xã* ở Quảng Châu (Trung Quốc) của nhóm thanh niên yêu nước như Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Giản Khanh; *An Nam Độc lập Đảng* ở Pháp với các đại biểu như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Tạ Thu Thâu; *Đảng Lập hiến* ở phía Nam của Bùi Quang Chiêu, Lê Phan Long, Nguyễn Văn Bền; nhóm *Nam Phong* của Phạm Quỳnh; nhóm *Trung Bắc tân văn* của Nguyễn Văn Vĩnh ở ngoài Bắc, *Hội Phục Việt* ở Trung kỳ, ... hoạt động rất sôi nổi, rộng khắp, cả trong và ngoài nước. Nhưng, trong quá trình hoạt động, những tổ

chức đó đã bị phân rã, biến tướng, hoặc là đi chệch hướng so với mục tiêu ban đầu. Những năm 1925 trở đi, ba tổ chức chính trị tiên bộ và cách mạng là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng và Việt Nam Quốc dân Đảng đã lần lượt xuất hiện. Sự hoạt động mạnh mẽ của các tổ chức chính trị này đã chi phối nội dung và xu hướng vận động của phong trào cứu quốc theo khuynh hướng cách mạng vô sản, đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930.

Có thể khẳng định rằng, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam cùng đường lối cứu nước theo hệ tư tưởng vô sản là kết quả của sự lựa chọn, sàng lọc của lịch sử, của thực tiễn cách mạng chứ không phải là sự áp đặt chủ quan của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hay bất kỳ ai. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt lịch sử, với Cương lĩnh chính trị phù hợp, đã đáp ứng được yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng chính trị duy nhất đã giải quyết được mọi khủng hoảng về đường lối cách mạng, tổ chức lãnh đạo cách mạng, lực lượng và phương pháp đấu tranh cách mạng của Việt Nam. Từ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục lãnh đạo, dẫn dắt cuộc đấu tranh cách mạng của cả dân tộc, thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc, thực dân và phong kiến tay sai, giành được độc lập cho dân tộc vào năm 1945.

Nền độc lập non trẻ vừa mới thành

lập đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thách thức từ cả thù trong, giặc ngoài. Trước tình hình nguy nan đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bình tĩnh, sáng suốt, kiên quyết về chiến lược, mềm dẻo về sách lược, từng bước tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ, từng bước phá tan âm mưu tái chiếm của thực dân Pháp và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Với trí tuệ, bản lĩnh, tinh thần đoàn kết, tự cường, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1954), đế quốc Mỹ và tay sai (năm 1975), hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng chính trị duy nhất lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Sau khi chiến tranh kết thúc, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục lãnh đạo nhân dân cả nước bước vào công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng chủ nghĩa xã hội với vô vàn khó khăn, thử thách. Về đối nội, Việt Nam vừa phải khăn trương hàn gấn những vết thương chiến tranh, vừa phải ổn định đời sống nhân dân. Về đối ngoại, Việt Nam cần phải tập trung phá thế bao vây, cấm vận. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, sau một thời kỳ phát huy hiệu quả trong điều

kiện thời chiến, nay đã bộc lộ rõ những hạn chế, tiêu cực, cản trở sự phát triển. Nhiều nguyên nhân, cả khách quan lẫn chủ quan, đã khiến Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng trong những năm 80 của thế kỷ trước.

Với bản lĩnh của một chính đảng cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dũng cảm “nhìn thẳng vào sự thật”, thừa nhận sai lầm, quyết tâm đổi mới tư duy, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, từng bước đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng. Đây là một minh chứng cho luận điểm nổi tiếng của V.I.Lênin: “Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm túc không và có *thực sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động không. Công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy, - đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc, đó là đảng làm tròn những nghĩa vụ của mình, đó là giáo dục và huấn luyện *giai cấp* rồi đến *quần chúng*” (V.I.Lênin 2006, tập 41: 51).

Đặc biệt, sự khủng hoảng và sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô những năm 1980 và đầu thập niên 1990 đã đặt Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trước những thử thách to lớn. Trước tình hình đó, với

bản lĩnh và ý chí kiên định, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì mục tiêu đã chọn, từng bước hình thành một hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, giải quyết thành công cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vào những năm 1980, tiếp tục đưa đất nước đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong 25 năm đầu thế kỷ XXI, thách thức của quá trình hội nhập, cách mạng khoa học công nghệ, xu thế đa cực và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn cùng các vấn đề toàn cầu như bệnh dịch, khủng bố, thiên tai,... đã tác động lớn đến sự phát triển của Việt Nam. Song, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 25).

Trong thời gian qua, Đảng tiếp tục nâng cao sức chiến đấu, kiên quyết đấu tranh chống sự tha hóa quyền lực, tham nhũng, quan liêu, chống “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; kiên quyết làm trong sạch đội ngũ, giữ vững niềm tin của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự chứng tỏ, đó là một Đảng cầm quyền trí tuệ, bản lĩnh, một Đảng cách mạng chân chính, xứng đáng với vị trí, vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

5. Một số khuyến nghị góp phần củng cố và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Vai trò, sứ mệnh đặc biệt quan trọng của Đảng đối với cách mạng Việt Nam sẽ ngày càng tăng lên trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong bài viết kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với tựa đề “Rạng rỡ Việt Nam”, đăng trên báo Quân đội nhân dân ngày 3/2/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Ngày nay, với hơn 5,4 triệu đảng viên, lực lượng của chúng ta không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đủ sức gánh vác trọng trách đưa đất nước tiến lên trong thời kỳ mới. Mỗi đảng viên chính là biểu tượng của niềm tin, trí tuệ và ý chí đoàn kết của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình”.

Để luôn giữ vững và không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển của đất nước trong bối cảnh mới hiện nay, cần chú trọng một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng cả về nội dung, phương thức, cơ chế thực hiện để lý luận có thể khái quát, lý giải, soi đường cho các hoạt động của Đảng trước tình hình chính trị thế giới và đất nước đang

có nhiều biến động và nhiều thách thức hiện nay.

Hai là, không ngừng nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ở mọi lĩnh vực, bởi đây là thước đo tính đúng đắn của đường lối chính trị. C.Mác đã chỉ rõ: “mỗi bước tiến của phong trào thực sự còn quan trọng hơn một tá cương lĩnh” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 19: 24). Thực tế có nhiều chủ trương, nghị quyết phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hợp lòng dân, nhưng chậm đi vào thực tiễn và chưa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội như mục tiêu đã định. Chính sự chậm trễ này lại trở thành cái cớ để các lực lượng thù địch hạ thấp trình độ, năng lực lãnh đạo và uy tín của Đảng. Do đó, việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật, kế hoạch, chính sách cần được đẩy nhanh để theo kịp với đòi hỏi của thực tiễn.

Ba là, đặc biệt chú trọng công tác cán bộ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “cán bộ là gốc của mọi công việc; công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” (Hồ Chí Minh 1995, tập 9: 269, 273). Do vậy, làm tốt công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, từ đánh giá cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đến bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu ứng cử, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ là thiết thực, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo công cuộc

chuyển mình vĩ đại của dân tộc, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

6. Kết luận

Thực tiễn lịch sử phong phú, sinh động 95 năm qua của cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ rằng: *thứ nhất*, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng; *thứ hai*, cho đến nay, ở Việt Nam, chưa có một tổ chức nào, một lực lượng chính trị nào có thể thay thế được vai trò đó. Duy nhất, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng đã được tôi luyện qua đấu tranh cách mạng, một Đảng trung thành với lợi ích của dân tộc, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm và uy tín để có thể tập hợp sức mạnh toàn dân, lãnh đạo đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay đang mở ra nhiều thời cơ và vận hội lớn, đồng thời cũng đặt ra những khó khăn và thách thức không nhỏ đối với sự phát triển của đất nước ta. Với truyền thống đoàn kết, sáng tạo, gần bó máu thịt với nhân dân và tinh thần sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, trở ngại, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình với tư cách là đội tiên phong cách mạng của dân tộc trong giai đoạn mới.

Tài liệu trích dẫn

1. Hội đồng Lý luận Trung ương. 2014. *Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

2. Đinh Công Tuấn. 2009. “Thành công từ một chuyến khảo sát tìm hiểu văn hóa Âu - Mỹ tại Hoa Kỳ”. *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 7 (106).

3. Vũ Trọng Lâm. 2020. “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là tất yếu khách quan”. *Tạp chí Cộng sản*, số 944, tháng 6-2020.

4. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 19. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

5. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1997. *Toàn tập*. Tập 37. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

6. Terry Eagleton. 2014. *Tại sao Mác đúng?* Hà Nội: Nxb. Chính trị - Hành chính.

7. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 33. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

8. V.I.Lênin. 2006. *Toàn tập*. Tập 36. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

9. V.I.Lênin. 2006. *Toàn tập*. Tập 41. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

10. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

11. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 6. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

12. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*. Tập 9. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.